

# HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP TỈNH HÀ TĨNH GIAI ĐOẠN 2011 - 2020

LÊ VĂN HƯƠNG, NGUYỄN THỊ HẰNG  
ĐẶNG HOÀI SƠN, LÊ HẠNH CHI

**Tóm tắt:** Trên cơ sở nhận thức vai trò quan trọng của sản xuất nông nghiệp đối với đời sống kinh tế - xã hội, bài báo trình bày thực trạng phát triển ngành, phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến ngành nông nghiệp tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2011 - 2020. Định hướng của Hà Tĩnh là xây dựng ngành nông nghiệp theo hướng phù hợp với các điều kiện của địa phương, hướng đến sản xuất nông sản hàng hóa và đạt hiệu quả cao trong sản xuất nông nghiệp. Qua phân tích các nhân tố ảnh hưởng và sử dụng một số chỉ tiêu để đánh giá thực trạng phát triển ngành nông nghiệp Hà Tĩnh, bài viết đã đưa ra các giải pháp phát triển nông nghiệp phù hợp.

**Từ khóa:** nông nghiệp, phát triển, sản xuất, Hà Tĩnh

## CURRENT SITUATION OF AGRICULTURE DEVELOPMENT OF HA TINH PROVINCE OF 2011 - 2020

**Abstract:** Based on the awareness of the important role of agricultural production in socio-economic life, the article presents the current situation of industry development, analyses the factors affecting the agricultural sector in Ha Giang province. Static for the period of 2011 – 2020, Ha Tinh's orientation is to build the agricultural sector in the direction suitable to local conditions, towards the production of commodity agricultural products and to achieve high efficiency in agricultural production. Through analysing the influencing factors and using a number of indicators to assess the current situation of agricultural development in Ha Tinh, the article has proposed appropriate agricultural development solutions.

**Keywords:** agriculture, development, production, Ha Tinh

### 1. Đặt vấn đề

Nông nghiệp là ngành sản xuất vật chất lâu đời nhất, với chức năng cung cấp lương thực thực phẩm, đảm bảo nguồn nguyên liệu cho các ngành công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm, sản xuất ra những mặt hàng có giá trị xuất khẩu... [4, 7]. Với các quốc gia đang phát triển như Việt Nam, nông nghiệp càng đóng vai trò quan trọng, góp phần tạo ra giá trị xuất khẩu bên cạnh việc phục vụ nhu cầu trong nước.

Hà Tĩnh là một trong 6 tỉnh thuộc khu vực Bắc Trung Bộ với tổng diện tích tự nhiên là 5.990,67 km<sup>2</sup>, chiếm khoảng 1,8% tổng diện tích tự nhiên cả nước. Hà Tĩnh nằm ở trung tâm khu vực Bắc

Trung Bộ, là điểm trung chuyển hàng hóa với các tỉnh Tây Nguyên, Lào, Campuchia, Đông Bắc Thái Lan, Myanmar và điểm kết nối tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây nối với đường hàng hải quốc tế và giao lưu hàng hóa với các quốc gia trên thế giới. Đây là lợi thế rất quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nói chung, ngành nông nghiệp nói riêng.

Kể từ khi tái lập tỉnh đến nay, mặc dù quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa của tỉnh diễn ra nhanh chóng nhưng ngành nông nghiệp vẫn giữ vị thế quan trọng, không thể thiếu trong công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Giá trị sản xuất (GTSX) nông nghiệp tăng

trường ổn định, đạt 3,93%/năm giai đoạn 2011 - 2020, chiếm 12,91% trong tổng GTSX của toàn bộ nền kinh tế.

Tuy vậy, cho đến nay sản xuất nông nghiệp tỉnh Hà Tĩnh vẫn chưa tương xứng với tiềm năng sẵn có, năng suất lao động nông nghiệp chưa cao, chuyển dịch cơ cấu ngành còn chưa mạnh mẽ. Việc nghiên cứu làm rõ thực trạng phát triển, các nhân tố ảnh hưởng đến nông nghiệp Hà Tĩnh trong giai đoạn 2011 - 2020 có ý nghĩa khoa học và thực tiễn. Kết quả nghiên cứu là căn cứ phục vụ cho việc đề xuất định hướng và giải pháp phát triển nông nghiệp Hà Tĩnh theo hướng hợp lý và bền vững.

## **2. Cơ sở dữ liệu và phương pháp nghiên cứu**

**2.1. Cơ sở dữ liệu:** nghiên cứu sử dụng các số liệu thống kê, báo cáo thực hiện kế hoạch, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Hà Tĩnh đã được công bố; các công trình nghiên cứu về nông nghiệp tỉnh Hà Tĩnh.

### **2.2. Phương pháp nghiên cứu:**

- *Phương pháp thu thập, tổng hợp tài liệu, số liệu:* nguồn dữ liệu được thu thập chủ yếu tại các phòng, ban thuộc UBND tỉnh Hà Tĩnh và các cơ quan nghiên cứu. Các tư liệu, số liệu đã thu thập được phân tích, tổng hợp trong các mối quan hệ về không gian giữa các khu vực của Hà Tĩnh.

- *Phương pháp thực địa:* khảo sát thực địa tại các huyện trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh trong tháng 4/2022 để bổ sung các thông tin cần thiết trên nền thông tin hồi cố, xử lý từ các nguồn tài liệu thứ cấp nhằm cập nhật thông tin mới nhất (về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội) cho mục tiêu phân tích tiềm năng, thực trạng nông nghiệp Hà Tĩnh.

## **3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận**

### **3.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội của Hà Tĩnh**

**3.1.1. Điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên**

- *Địa hình:* Hà Tĩnh có địa hình đồi núi (chiếm tới 78,8% diện tích tự nhiên), phân hóa

phức tạp và bị chia cắt mạnh bởi các sông, suối nhỏ của dãy Trường Sơn, có nhiều dạng địa hình chuyển tiếp, xen kẽ. Do địa hình bị chia cắt nên đất đai manh mún không thuận lợi cho việc cơ giới hóa ngành nông nghiệp. Vùng đồng bằng ven biển bằng phẳng do quá trình bồi tụ phù sa của các dòng sông, phù sa biển trên các vỏ phong hoá Feralit hay trầm tích biển. Đây là khu vực rất phù hợp để phát triển các hoạt động sản xuất nông nghiệp của tỉnh.

- *Điều kiện khí hậu:* Hà Tĩnh có khí hậu gió mùa nóng ẩm mưa nhiều với hai mùa rõ rệt: mùa nắng khô nóng, nhất là từ tháng 5 đến tháng 8, nhiệt độ trung bình từ 24,7<sup>0</sup>C (tháng 4) đến 32,9<sup>0</sup>C (tháng 6), nhiệt độ cao nhất có thể lên đến 38,5 - 40<sup>0</sup>C; mùa mưa (gió mùa Đông Bắc kéo theo gió lạnh và mưa phùn, nhiệt độ có thể xuống tới 7<sup>0</sup>C vào tháng 11 và 12). Những hiện tượng mưa kéo dài, bão, lũ lụt, những đợt lạnh; gió Lào khô nóng thổi từ phía Tây Nam [1]. Đây là bất lợi lớn đối với Hà Tĩnh, đặc biệt là đối với sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản.

- *Tài nguyên đất:* nhóm đất có diện tích lớn nhất là đất xám chiếm 64,72% (diện tích tự nhiên); nhóm đất phù sa chiếm 16,98%; nhóm đất cát chiếm 6,47%; nhóm đất tầng mỏng chiếm 5,25%; nhóm đất gley chiếm 2,4%; còn lại các nhóm đất khác có diện tích không đáng kể, phân bố rải rác trên toàn tỉnh [9]. Nhìn chung, đất đai của tỉnh Hà Tĩnh thích hợp với nhiều loại cây trồng, đặc biệt là các loại cây dài ngày.

- *Tài nguyên rừng:* tài nguyên rừng Hà Tĩnh có vai trò hết sức quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội và ngành lâm nghiệp - thủy sản; độ che phủ rừng khoảng 52,5% (năm 2020), với 74% số xã có đất rừng.

- *Tài nguyên nước:* lượng mưa năm trung bình toàn tỉnh biến đổi từ 1.900 mm - 2.800 mm, có xu thế tăng từ Bắc vào Nam, từ Tây sang Đông. Toàn tỉnh có trên 30 con sông lớn nhỏ với

tổng chiều dài trên 400 km. Các sông lớn có tổng lưu vực khoảng 5.436 km<sup>2</sup>, trong đó sông La, sông Cửa Sốt, sông Cửa Nhượng, sông Cửa Khẩu... tạo cho Hà Tĩnh nguồn nước dồi dào khoảng 10.7 tỷ m<sup>3</sup>/năm [6].

Hà Tĩnh có 348 hồ chứa nước với dung tích trên 1,57 tỷ m<sup>3</sup>; có 86 đập dâng với lưu lượng thiết kế hơn 5.780 m<sup>3</sup>/s. Hằng năm, các công trình cấp nước phục vụ tưới cho trên 62.000 ha diện tích đất sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt và nhiều ngành kinh tế khác, cắt giảm lũ hạ du và cải tạo môi trường sinh thái. Do có nhiều cửa sông, cửa lạch nên đã tạo ra những bãi triều rộng lớn, tạo thuận lợi cho Hà Tĩnh trong phát triển nuôi trồng thủy sản nước mặn, lợ, nước ngọt. Ngoài ra, ở vùng cửa sông và các eo vịnh cũng có khả năng phát triển nuôi trồng thủy sản lồng bè.

- *Tài nguyên biển*: Hà Tĩnh có bờ biển dài 137 km với nhiều cửa sông lớn, là ngư trường lớn để khai thác hải sản. Biển Hà Tĩnh có trên 267 loài cá, thuộc 90 họ, trong đó có 60 loài có giá trị kinh tế cao, 20 loài tôm, nhuyễn thể như sò, mực... Trữ lượng cá ước tính 86.000 tấn (cá đáy 45.000 tấn, cá nổi 41.000 tấn). Trong đó, có khả năng cho phép đánh bắt 54.000 tấn/năm; trữ lượng tôm cá vùng lồng khoảng 500 - 600 tấn, mực 3.000 - 3.500 tấn [8].

### 3.1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội

Tỉnh Hà Tĩnh có dân số 1.314.100 người (năm 2020), đang trong thời kỳ “dân số vàng”. Trong đó, nhóm dưới 15 tuổi chiếm 28,3%, trên 65 tuổi chiếm 10,5% tổng số dân. Năm 2020, có khoảng 37,63% lực lượng lao động tham gia sản xuất nông nghiệp, nhưng lực lượng lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật trong nông, lâm, thủy sản còn thấp. Đây có thể là hạn chế trong việc huy động nguồn nhân lực vào các mục tiêu phát triển nông nghiệp của tỉnh.

Năm 2020, quy mô GRDP của Hà Tĩnh đạt 80.525,58 tỷ đồng, bình quân đạt 62,1 triệu

đồng/người (2.675,29 USD). Về cơ cấu kinh tế năm 2020, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 16,30%; công nghiệp và xây dựng chiếm 40,49%; dịch vụ chiếm 34,59% [2].

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh diễn ra theo hướng tích cực, tỷ trọng ngành nông nghiệp giảm, công nghiệp tăng. Trong giai đoạn 2011 - 2020, chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở mức khá hơn so với mức chung của cả nước. Tỷ lệ giảm điểm khu vực I của tỉnh là 14,07% (cả nước là 2,34%), đưa cơ cấu kinh tế khu vực I của tỉnh xuống còn 13,72% (năm 2020), gần với mức chung của cả nước là 13,96% [2, 3]. Sự thay đổi trong cơ cấu kinh tế chủ yếu do tốc độ phát triển vượt bậc của khu vực II, tăng 23,43 điểm % (cả nước giảm 0,09%).

Hiện nay, nhiều mô hình tăng trưởng mới ứng dụng công nghệ số trong sản xuất nông nghiệp ở Hà Tĩnh đã được hình thành như: lắp đặt trạm thời tiết thông minh công nghệ iMetos và hệ thống tưới tự động, gắn tem mã QR truy xuất nguồn gốc trên các sản phẩm, như cam, bưởi và một số sản phẩm OCOP nhằm kết nối với các sàn giao dịch thương mại điện tử, siêu thị; quản lý sản xuất qua hệ thống app thông minh... Việc hình thành và phát triển một số mô hình, chuỗi liên kết sản xuất qua đó thúc đẩy ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật mới, cơ giới hóa sản xuất sẽ là nhân tố giúp ngành nông nghiệp Hà Tĩnh phát triển ổn định trong những năm tiếp theo.

Hà Tĩnh có chủ trương thu hút đầu tư dự án và giao đất, cho thuê đất đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp. Đến năm 2020 đã có 35 Dự án về nông nghiệp đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, trong đó có 20 Dự án thuộc thẩm quyền UBND tỉnh giao đất, cho thuê đất. Giai đoạn 2011 - 2020, toàn tỉnh đã đầu tư phát triển vào khu vực nông, lâm, thủy sản khoảng 19,5 nghìn tỷ đồng, chiếm 5,1% tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội.

Các sản phẩm nông sản của Hà Tĩnh vẫn chủ yếu phục vụ thị trường trong nước và nội tỉnh. Với dân số đứng thứ 3 trong vùng Bắc Trung Bộ, là thị trường quan trọng cho nông sản của Hà Tĩnh. Trong xu thế hội nhập, hàng hóa nông sản của tỉnh có cơ hội để mở rộng hơn nữa thị trường tiêu thụ trên thế giới. Tuy nhiên, những yêu cầu về khối lượng, chất lượng, giá thành và đặc biệt là giữ vững được thương hiệu của sản phẩm vẫn còn là những khó khăn thách thức lớn đối với các sản phẩm hàng hóa nông, lâm, thủy sản xuất khẩu của nước ta nói chung và tỉnh Hà Tĩnh nói riêng.

### **3.2. Hiện trạng phát triển nông nghiệp tỉnh Hà Tĩnh**

#### **3.2.1. GRDP nông nghiệp tỉnh Hà Tĩnh**

Nông nghiệp tỉnh Hà Tĩnh phát triển ổn định, khẳng định được vai trò quan trọng trong nền kinh tế của tỉnh. GRDP toàn ngành nông nghiệp tăng từ 8.879 tỷ đồng (năm 2011) lên 12.277 tỷ đồng (năm 2020) - tăng 1,38 lần, chiếm 12,91% quy mô GRDP toàn tỉnh năm 2020.

Tuy nhiên, nếu xét tỷ trọng thì GRDP ngành nông nghiệp trong cơ cấu GRDP của tỉnh có xu hướng giảm từ 27,79% (năm 2011) xuống 12,91% (năm 2020). Tuy tỷ trọng giảm nhưng giá trị tuyệt đối của ngành nông nghiệp tăng đã góp phần vào sự tăng trưởng chung của toàn bộ nền kinh tế Hà Tĩnh.

Tốc độ tăng trưởng GRDP ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản giai đoạn 2011 - 2020 đạt bình quân 3,93%/năm. Trong đó: ngành nông nghiệp tăng 3,97%/năm, lâm nghiệp tăng 4,05%/năm và thủy sản tăng 5,34%/năm. Đây là kết quả bước đầu của quá trình tái cơ cấu nông nghiệp trên địa bàn tỉnh. Động lực tạo nên sự phát triển chủ yếu dựa vào nhóm ngành nông nghiệp. Giá trị sản xuất (GTSX) nhóm ngành nông nghiệp luôn chiếm trên 80% trong tổng giá trị sản xuất của toàn ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng giảm tỷ trọng nông - lâm nghiệp, tăng tỷ trọng thủy sản (Bảng 1).

**Bảng 1. Giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản giai đoạn 2011 – 2020**

Chỉ tiêu	2011		2015		2020	
	Tỉ đồng	%	Tỉ đồng	%	Tỉ đồng	%
Tổng số	8.879	100	11.504	100	12.277	100
Nông nghiệp	7.377	83,1	9.332	81,1	10.072	82,04
Lâm nghiệp	508	5,7	831	7,2	698	5,68
Thủy sản	994	11,2	1.340	11,7	1.507	12,28

*Nguồn [2,3]*

Sản xuất nông nghiệp chuyển dịch theo hướng phát huy lợi thế, phù hợp với nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Cơ cấu giá trị sản xuất các sản phẩm hàng hóa nông nghiệp chủ lực (cam, bưởi Phúc Trạch, rau, củ quả, thực phẩm, chè xuất khẩu, chăn nuôi lợn, bò, hươu, nuôi tôm, khai thác hải sản, gỗ nguyên liệu rừng trồng) tăng tương ứng từ 30,4% (năm 2015) lên trên 46% (năm 2020); tỷ trọng cơ cấu GTSX chăn nuôi tăng từ 48,8%

lên trên 53,2%, trồng trọt giảm từ 59% xuống còn dưới 43%.

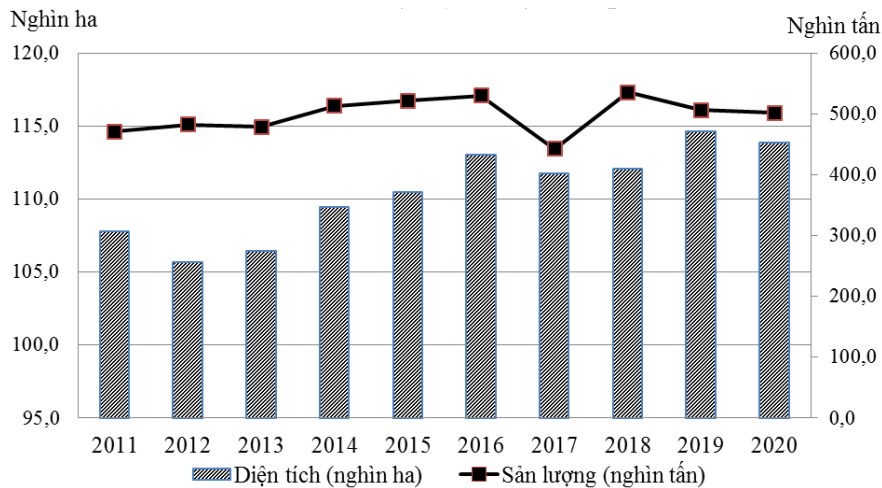
Tuy nhiên, tái cơ cấu ngành nông nghiệp Hà Tĩnh nhìn chung còn chậm, mức độ đóng góp cho tăng trưởng còn thấp; tăng trưởng ngành chưa vững chắc, chủ yếu tăng về chiều rộng, chưa đi vào chiều sâu về chất lượng.

#### **3.2.2. Thực trạng phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tỉnh Hà Tĩnh**

##### **(1) Trồng trọt**

Các cây trồng chính bao gồm lúa, ngô, lạc, khoai lang, sắn, rau các loại và cây ăn quả. Đây là ngành chủ lực trong nhóm ngành nông nghiệp, mặc dù đóng góp của ngành này đã giảm từ 82,59% năm 2011 xuống còn 42,3% năm 2020.

Tổng sản lượng lương thực có hạt năm 2020 đạt 544.641 tấn (tăng 0,2 lần so với năm 2011), trong đó: sản lượng lúa ước đạt 501.922 tấn (tăng 0,2 lần); ngô 42.719 tấn, (tăng 0,5 lần); sản lượng lương thực có hạt bình quân đầu người tăng từ 359 kg/người lên 419 kg/người năm 2020 (tăng 16,7%).



Hình 1. Diện tích và sản lượng cây lương thực qua các năm

Nguồn [2,3]

Lúa là cây trồng chiếm diện tích lớn trong ngành trồng trọt, với tổng diện tích gieo trồng là 103.575 ha năm 2020 (tăng 4.491 ha so với năm 2011); sản xuất 3 vụ (vụ xuân, vụ hè thu và vụ mùa); năng suất lúa cả năm đạt 48,98 tạ/ha năm 2020 (năm 2011 là 47,5 tạ/ha) [2, 3].

Đối với cây trồng lâu năm, Hà Tĩnh đã chuyển một phần diện tích rừng nghèo kiệt sang trồng các loại cây lâu năm có giá trị kinh tế cao, đồng thời tăng cường khai thác diện tích đất trồng, đồi núi trọc chưa sử dụng, nhất là ở các huyện Hương Sơn, Vũ Quang, Hương Khê, Can Lộc... Nhờ phát triển cây ăn quả, cây công nghiệp như cao su, chè nên diện tích cây lâu năm năm 2020 đạt 32.016 ha (tăng 0,5 lần so với năm 2011) [2, 3].

#### (2) Chăn nuôi

Năm 2020, GTSX ngành chăn nuôi đạt 6.907 tỷ đồng (gấp 1,7 lần so với năm 2011), tăng trưởng bình quân 6,8%/năm. Chăn nuôi đóng

góp 53,2% tổng GTSX toàn ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản trong năm 2020 (tăng 7,0 điểm % so với năm 2011).

Số lượng đàn gia súc, gia cầm có xu hướng tăng (trừ trâu) trong giai đoạn 2011 - 2020, đặc biệt là gia cầm (tăng 8,30%/năm), dê (tăng 7,8%/năm) và hươu (tăng 4,25%/năm). Đàn trâu giảm do nhu cầu về sức kéo và điều kiện chăn thả. Các vật nuôi như dê, hươu, gia cầm tăng do các đối tượng vật nuôi này đang trở thành sản phẩm hàng hóa có nhu cầu, mang lại hiệu quả kinh tế khá cao và ổn định cho người chăn nuôi [2, 3].

Lợn được nuôi nhiều ở các huyện Cẩm Xuyên, Thạch Hà, Hương Sơn, Can Lộc và Hương Khê. Thạch Hà và Cẩm Xuyên có số lượng gia cầm nhiều nhất. Năm 2020, toàn tỉnh có tổng số 37.781 con hươu, trong đó huyện Hương Sơn đóng góp trên 36.355 con (chiếm 96,23% tổng số đầu hươu toàn tỉnh) [2, 3].

**Bảng 2. Số lượng đàn gia súc, gia cầm giai đoạn 2011 - 2020**

Vật nuôi (ngàn con)	2011	2015	2016	2017	2018	2019	2020	Tốc độ tăng 2011 - 2020 (%)
Lợn	334	474	483	422	426,5	405,4	409,1	2,28
Bò	159	193	223	212	192,3	168,9	173,4	0,97
Hươu	26	40	41	33,3	35,1	35,41	37,8	4,25
Trâu	90	81	86	80	73	69,9	67,3	-3,18
Dê	9	11	16	18,87	17,7	16,9	17,7	7,8
Gia cầm	4.886	7.225	8.167	8.404	8.626	8.856	10.088	8,39

Nguồn [2,3]

Hình thức chăn nuôi đã có sự thay đổi rõ nét về tổ chức sản xuất, chuyển mạnh từ nhỏ lẻ, phân tán sang chăn nuôi gia trại, trang trại, nuôi công nghiệp. Năm 2020, Hà Tĩnh có 173 trang trại. Tỉnh đã xây dựng hệ thống cơ sở sản xuất chăn nuôi lợn giống khá đồng bộ, hình thành và phát triển các trang trại tập trung, quy mô lớn trong đó nhiều trang trại khép kín với các doanh nghiệp.

### (3) Lâm nghiệp

Ngành lâm nghiệp chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu nông nghiệp của Hà Tĩnh. Năm 2020 GTSX lâm nghiệp đạt 697,9 tỷ đồng chiếm 5,8% tổng GTSX toàn ngành nông - lâm nghiệp và thủy sản. Tốc độ tăng trưởng bình quân 4,05%/năm giai đoạn 2011 - 2020 [2]. Chủ yếu tập trung vào các hoạt động khai thác gỗ và lâm sản, trồng và chăm sóc rừng. Các huyện có tỷ trọng đóng góp vào GTSX lâm nghiệp lớn nhất là Kỳ Anh, Hương Sơn, Hương Khê và Cẩm Xuyên.

Sản xuất lâm nghiệp đã chuyển đổi dần từ khai thác sang tập trung gây dựng vốn rừng với nhiều chương trình, dự án trồng rừng tập trung và đẩy mạnh việc giao đất, giao rừng ổn định lâu dài cho các hộ gia đình. Diện tích rừng được chăm sóc năm 2020 đạt 41.000 ha (tăng 1,1 lần so với năm 2011). Rừng nguyên liệu giấy đến chu kỳ khai thác sản phẩm nên sản lượng gỗ khai thác ước tính năm 2020 đạt 358.000 m<sup>3</sup> (tăng 3,2 lần so với năm 2011) [6]. Tái cơ cấu cây trồng trong ngành lâm nghiệp cùng với việc thúc đẩy

chế biến từ gỗ, cây nguyên liệu đã bước đầu đem lại nguồn lợi kinh tế nhất định cho địa phương và người dân.

### (4) Thủy sản

Ngành thủy sản có tốc độ tăng trưởng bình quân 5,34%/năm trong giai đoạn 2011 - 2020; GTSX ngành thủy sản năm 2020 đạt 1.507 tỷ đồng, đóng góp 11,9% vào tổng GTSX toàn ngành nông nghiệp (gấp 1,46 lần so với năm 2011) [2].

Tổng sản lượng thủy sản năm 2020 là 56.900 tấn (tăng 0,6 lần so với năm 2011). Trong đó, nuôi trồng đạt 15.798 tấn, chiếm 28,3% tổng sản lượng thủy sản, (tăng 0,6 lần so với năm 2011); khai thác đạt 40.120 tấn, chiếm 71,7% tổng sản lượng thủy sản (tăng 0,5 lần so với năm 2011) [5].

GTSX khai thác thủy sản năm 2020 đạt 861 tỷ đồng (tăng 1,47 lần so với năm 2011). Khai thác thủy sản đã chuyển hướng, giảm dần khai thác vùng ven bờ, tăng vùng lộng và vùng khơi, với các nghề mới (như câu khơi, bóng ghe, bóng mực, chụp mực, chụp cá...), hạn chế đánh bắt nội địa nhằm bảo đảm nguồn thủy sản [5].

GTSX nuôi trồng thủy sản năm 2020 đạt 648 tỷ đồng (tăng 1,53 lần so với năm 2011). Diện tích nuôi trồng thủy sản tăng từ 5.961 ha năm 2011 lên 7.465 ha năm 2020 (tăng 26% so với năm 2011). Sản phẩm nuôi trồng thủy sản chính bao gồm các loại tôm và cá như tôm sú, tôm thẻ chân trắng, cá mú... Nhiều vùng ven biển như Nghi Xuân, Lộc Hà, Thạch Hà, Cẩm Xuyên, Kỳ

Anh đã đẩy mạnh đầu tư khai thác các bãi triều, đầm phá, đất ngập mặn ven biển và đào ao trên cát mở rộng diện tích nuôi trồng thủy sản nước mặn, nước lợ [5].

### 3.3. Các hình thức tổ chức sản xuất

- *Hộ gia đình*: kinh tế hộ gia đình là hình thức tổ chức sản xuất truyền thống và đang chiếm ưu thế. Năm 2020, số lao động bình quân trên một hộ là 2,1 người; tổng số hộ nông, lâm nghiệp và thủy sản là 315.096 hộ. Tỷ lệ hộ nông, lâm nghiệp và thủy sản trong cả giai đoạn 2011 - 2020 chiếm trên 80% (điều này chứng tỏ ngành nghề của hộ nông thôn chủ yếu là thuần nông), có xu hướng giảm trong những năm gần đây. Tuy nhiên, tỷ lệ hộ sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản của Hà Tĩnh vẫn cao hơn mức bình quân chung cả nước và 14 tỉnh khu vực Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung (tương ứng 54,47% và 56,98%) [3].

- *Trang trại*: năm 2020 toàn tỉnh có 246 trang trại nông nghiệp, trong đó có 24 trang trại trồng trọt (chiếm 9,8%), 173 trang trại chăn nuôi (chiếm 70,3%), 23 trang trại nuôi trồng thủy sản (chiếm 9,3%), 26 trang trại tổng hợp (chiếm 10,6%). Vốn đầu tư phát triển kinh tế trang trại chủ yếu là vốn tự có và vốn vay của cộng đồng (chiếm khoảng 70%), nguồn vốn vay tín dụng ngân hàng chiếm tỉ trọng thấp. Vốn bình quân khoảng 3,5 tỷ đồng/trang trại. Tổng diện tích đất của trang trại là 1.199 ha, bình quân đạt 4,87 ha/trang trại. Tổng số lao động thường xuyên của các trang trại đạt 837 người (bình quân từ 3 - 4 lao động/trang trại). Tổng giá trị sản xuất của các trang trại năm 2021 đạt 1.232.487 triệu đồng (bình quân 5.010 triệu đồng/trang trại) [5].

- *Các hình thức tổ chức sản xuất khác*: năm 2020 toàn tỉnh có 74 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp. Các doanh nghiệp lớn (như Công ty cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam, Công ty TNHH chăn nuôi GOLDEN STAR, Công ty

Vinamilk, Công ty Growbest, Công ty Thanh Thành Đạt...) đã đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, phát triển chuỗi liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ sản phẩm. Nhờ đó đã thúc đẩy sự phát triển kinh tế hợp tác và hình thành các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn. Hiện toàn tỉnh có 805 hợp tác xã nông nghiệp (trong đó: 519 hợp tác xã chăn nuôi, trồng trọt, thủy sản, dịch vụ tổng hợp) và 3.220 tổ hợp tác [5].

### 4. Kết luận và khuyến nghị

Hà Tĩnh có nhiều tiềm năng, thế mạnh cho phát triển một nền nông nghiệp đa dạng theo hướng sản xuất hàng hóa. Tỉnh có điều kiện tự nhiên thích hợp cho phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản (đặc biệt là cây lương thực, cây ăn quả có múi, chăn nuôi và nuôi trồng thủy hải sản). Ứng dụng khoa học công nghệ và thu hút đầu tư trong nông nghiệp đang được đẩy mạnh cùng với nguồn lao động nông nghiệp dồi dào, có kinh nghiệm trong sản xuất là những thuận lợi để nông nghiệp Hà Tĩnh phát triển.

Trong quá trình phát triển, nông nghiệp Hà Tĩnh đã đạt được những thành tựu đáng kể, khẳng định được vị trí quan trọng trong cơ cấu nền kinh tế. GRDP nông nghiệp không ngừng tăng và chiếm 12,91% quy mô GRDP toàn tỉnh (năm 2020).

Ngành nông nghiệp Hà Tĩnh đã có sự chuyển dịch đúng hướng: giảm tỉ trọng nông, lâm nghiệp, tăng tỉ trọng thủy sản trong cơ cấu nền kinh tế. Trong nội bộ ngành nông nghiệp: giảm dần tỉ trọng ngành trồng trọt, tăng dần tỉ trọng của ngành chăn nuôi. Thế mạnh của nông nghiệp Hà Tĩnh là cây lương thực (lúa), cây ăn quả (cam, bưởi), chăn nuôi (bò, dê, hươu, gia cầm) và khai thác thủy sản. Các hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp khá đa dạng, trong đó hộ gia đình và trang trại là các hình thức tổ chức sản xuất chủ yếu.

Tuy nhiên, điều kiện khí hậu khắc nghiệt, địa hình đồi núi bị chia cắt, trình độ lao động hạn

ché, cùng với yêu cầu ngày càng cao của thị trường là khó khăn, thách thức đối với nông nghiệp Hà Tĩnh. Bên cạnh đó, nông nghiệp Hà Tĩnh vẫn phát triển chậm, chủ yếu tăng về chiều rộng, chưa đi vào chiều sâu chất lượng; hình thức tổ chức sản xuất đa số vẫn là nông hộ quy mô nhỏ lẻ, phân tán (diện tích bình quân giao đất nông nghiệp đạt 0,8 ha/hộ); số lượng doanh nghiệp thành lập mới trong lĩnh vực sản xuất nông, lâm, thủy sản, nhất là doanh nghiệp phát triển liên kết sản xuất còn ít; sản xuất chưa gắn với bảo quản, chế biến...

Để ngành nông nghiệp Hà Tĩnh phát triển hợp lý và bền vững, bài viết khuyến nghị một số nội dung như sau:

- Đẩy mạnh công tác khuyến nông, khuyến ngư và khuyến lâm, nâng cao trình độ cho lao động nông nghiệp nhằm phát triển các mô hình tổ chức sản xuất theo chuỗi (từ sản xuất đến chế biến và tiêu thụ sản phẩm);

- Quy hoạch phát triển các cánh đồng mẫu lớn, thực hiện tốt công tác dồn điền, đổi thửa để áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đẩy mạnh cơ giới hóa, điện khí hóa vào sản xuất;

- Đẩy mạnh thu hút doanh nghiệp đầu tư vào các lĩnh vực chế biến nông - lâm - thủy sản;

- Hình thành vùng chuyên canh các loại cây có múi đã có thương hiệu (bưởi Phúc Trạch, cam bù Hương Sơn);

- Phát triển các mô hình nông, lâm kết hợp, gắn với khai thác rừng bền vững, du lịch sinh thái;

- Phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm;

- Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý nhằm quảng bá, giới thiệu tới người tiêu dùng các sản phẩm nông nghiệp an toàn của Hà Tĩnh;

- Nghiên cứu và ứng dụng các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu trong chăn nuôi, trồng trọt và thủy sản...

Bài báo là sản phẩm của dự án điều tra cơ bản "*Điều tra, đánh giá tính tổn thương của một số lĩnh vực kinh tế - xã hội do hiểm họa tự nhiên tại Hà Tĩnh*", mã số UQĐT.CB.02/22-23 do Viện Địa lý - Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam chủ trì, TS. Lê Văn Hương làm chủ nhiệm.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2016), *Đánh giá tổn thương do biến đổi khí hậu cấp tỉnh, tỉnh Hà Tĩnh*.
2. Cục Thống kê Hà Tĩnh, *Niên giám thống kê tỉnh Hà Tĩnh các năm 2019, 2020*.
3. Cục Thống kê Hà Tĩnh (2020), *Tình hình kinh tế - xã hội 30 năm (1991 – 2020) tỉnh Hà Tĩnh*.
4. Nguyễn Thế Nhã, Vũ Đình Thắng (2004), *Giáo trình kinh tế nông nghiệp*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
5. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Hà Tĩnh (2021), *Báo cáo Ngành nông nghiệp 2020*.
6. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Tĩnh (2018), *Báo cáo thuyết minh điều chỉnh quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*.
7. Nguyễn Minh Tuệ, Lê Thông (đồng chủ biên), 2012, *Địa lý nông lâm thủy sản Việt Nam*, NXB Đại học sư phạm.
8. UBND tỉnh Hà Tĩnh (2022) *Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050*.
9. Viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp (2005), *Tài nguyên đất và bản đồ đất tỉnh Hà Tĩnh theo FAO/UNESCO*.

### **Thông tin tác giả:**

Lê Văn Hương - Viện Địa lý, Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam

Địa chỉ: 18 Hoàng Quốc Việt, Hà Nội

Email: levanhuongig@gmail.com; Điện thoại: 0986443478

Nguyễn Thị Hằng - Khoa Văn hóa cơ bản, Trường ĐH Văn hóa nghệ thuật Quân đội

Đặng Hoài Sơn - Trường THPT Phúc Lợi, huyện Gia Lâm, Hà Nội

Lê Hạnh Chi - Viện Sinh thái và Bảo vệ công trình số

### **Nhật ký tòa soạn**

Ngày nhận bài: 15/01/2023

Biên tập: 3/2023